

Kinh tế học di sản: vốn văn hóa, định giá di sản và những thách thức

Phạm Quỳnh Phương

Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Di sản ngày càng được coi là một hợp phần quan trọng đóng góp vào kinh tế của mỗi quốc gia, và kinh tế học di sản được coi là một trong những lĩnh vực quan trọng góp phần vào quá trình bảo tồn di sản bền vững. Bài viết này đề cập đến vấn đề giá trị của di sản từ góc nhìn kinh tế học, từ chiều kích về vốn văn hóa và vốn tự nhiên, cũng như phương pháp lượng hóa giá trị di sản. Bài viết cũng đặt ra những thách thức của chính sách di sản trong việc cân bằng hài hòa giữa bảo tồn giá trị văn hóa của di sản và phát triển kinh tế.

1. Kinh tế học di sản: vốn văn hóa và vốn tự nhiên của di sản

Các bàn luận về mối quan hệ giữa chính sách văn hóa và phát triển kinh tế ở UNESCO đã được bắt đầu từ những năm 1960 và 1970. Vào những năm 80 lĩnh vực bảo tồn được phát triển khá nhanh, được thúc đẩy bởi Công ước Di sản Thế giới và Hiến chương Burra, đưa ra các đường lối chỉ đạo cho việc bảo vệ và quản lý các địa điểm di sản có giá trị văn hoá. Nhưng mãi đến những năm 1990, khả năng ứng dụng chính thức lý thuyết và thực hành kinh tế học để phân tích các quyết định bảo tồn di sản mới thực sự được thảo luận (Throsby 2012). Câu hỏi làm thế nào để kết hợp giữa bảo tồn với sự hòa nhập, đa dạng, sự tham gia của cộng đồng địa phương, các quá trình quản trị và ra quyết định mới trong bối cảnh của thế giới toàn cầu hóa, đô thị hóa và thị trường thống trị các nền kinh tế đã khiến cho kinh tế học di sản trở thành một trụ cột mới trong việc bảo tồn di sản bền vững.

Kinh tế học di sản được phát triển dựa trên hai tiền đề. Thứ nhất, di sản đó phải tồn tại hiện hữu. Thứ hai, di sản đó phải mang lại mang lại sự hài lòng của một cá nhân đối với di sản văn hóa đó, thông qua cảm nhận về biểu tượng, thẩm mỹ, lịch sử... Nói cách khác, giá trị kinh tế của di sản văn hóa phản ánh mức độ hài lòng (thỏa dụng) của một cá nhân đối với di sản văn hóa đó.

Dưới lăng kính của kinh tế học di sản, di sản là tài sản mà tổng giá trị kinh tế là một khuôn khổ mà các nhà kinh tế đã phát triển để phân loại các lợi ích đa dạng khác nhau nảy sinh từ các hệ thống tự nhiên hoặc nhân tạo như di sản văn hóa. Tổng giá trị kinh tế của tài sản di sản được phân biệt giữa giá trị sử dụng và giá trị phi sử dụng, trong đó giá trị sử dụng

là giá trị trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ di sản như một loại hàng hóa tư, trong khi giá trị phi sử dụng dùng để chỉ các giá trị hiện tại hoặc tương lai (tiềm năng) gắn với di sản, chỉ dựa vào sự tồn tại tiếp tục của nó và không trực tiếp liên quan đến việc sử dụng. Nó là giá trị tích lũy cho người hưởng lợi ích từ di sản như loại hàng hóa công cộng. Thông thường, các giá trị sử dụng liên quan đến một số "tương tác" của con người với các di sản trong khi các giá trị phi sử dụng thì không.

Trong số các khái niệm kinh tế liên quan đến di sản, vốn văn hóa được xem là một khái niệm quan trọng. Nếu như trong lĩnh vực xã hội học, theo Bourdieu (1986), vốn văn hóa là nhằm ám chỉ hệ thống các thành tố văn hóa có thể luân chuyển và tạo ra những giá trị trao đổi trong quá trình phát triển, thì từ khía cạnh kinh tế học di sản, theo Throsby (2012), vốn văn hóa là bất kỳ tài sản vốn nào thể hiện hoặc làm phát sinh giá trị văn hóa bên cạnh bất kỳ giá trị kinh tế nào mà nó sở hữu. Theo cách nói thông thường, khái niệm tài sản bao hàm giá trị thường được nghĩ đơn giản về mặt tài chính. Tương tự, vốn văn hóa tạo ra giá trị kinh tế, dù dưới dạng một di sản vật thể (như một công trình kiến trúc mang dấu ấn lịch sử có thể được bán), hoặc dưới dạng dòng tiền (khách du lịch trả tiền để tham quan một địa điểm). Nhưng không giống như tài sản vốn thông thường, các hạng mục của vốn văn hóa thể hiện hoặc làm phát sinh một loại giá trị bổ sung và khác: giá trị văn hóa.

Một khái niệm khác phổ biến trong kinh tế học môi trường có mối liên hệ với vốn văn hóa trong kinh tế di sản là "vốn tự nhiên". Vốn tự nhiên thường được gắn với các di sản thiên nhiên. Sự hiểu biết về vai trò của vốn tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế đã nâng cao đáng kể trong những năm gần đây, mặc

dù vẫn còn nhiều tranh luận. Vốn tự nhiên là nguồn cung cấp các loại nguyên liệu, bao gồm cả sinh vật hay vật liệu, có thể tìm thấy trong môi trường vật chất xung quanh và có công dụng xác định đối với cuộc sống của con người (Randal 2003). Tất cả các loại nguồn lực sản xuất, từ đất nông nghiệp, các khoáng sản, nước, động thực vật, thậm chí các khu rừng hoang dã và những sản phẩm đa dạng, môi trường và thậm chí là hệ sinh thái cũng được xem là các loại vốn tự nhiên. Trên thực tế, không thể loại trừ vốn tự nhiên khỏi bất kỳ cuộc thảo luận nào về các yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế.

Giao điểm giữa vốn văn hóa và vốn tự nhiên là tính bền vững (sustainability). Theo Throsby, tính bền vững cung cấp một khuôn khổ tổng thể cho phép trình bày rõ ràng một khái niệm về phát triển bền vững về mặt văn hóa trong mối tương liên với quan niệm bền vững gắn với môi trường. Phương pháp định giá giá trị của tài sản môi trường cũng được xem là có thể ứng dụng trong việc định giá trong kinh tế học di sản văn hóa.

Bên cạnh vốn tự nhiên, kinh tế học di sản còn phân biệt vốn vật chất và vốn con người. Cả ba hình thức vốn này cũng đóng góp trực tiếp vào phúc lợi con người một cách độc lập với những đóng góp của chúng thông qua quá trình kinh tế. Ví dụ, vốn vật chất bao gồm các công trình kiến trúc và các thành phần vật chất khác của di sản văn hóa; vốn tự nhiên bao gồm cảnh quan thiên nhiên đẹp mắt về mặt thẩm mỹ, và cung cấp nhiều dịch vụ sinh thái cần thiết cho cuộc sống; và sự gia tăng vốn con người cũng đóng góp một cách chung hơn vào sự gia tăng tổng nguồn tri thức của nhân loại. Trong khi đó, vốn văn hóa – tạo ra hai giá trị kinh tế và văn hóa – một mặt, có thể có sự tương đồng với vốn vật chất về phương diện vật thể (địa điểm, kiến trúc, cảnh quan di sản), nhưng lại không hoàn toàn đồng nhất với vốn vật chất, bởi giá trị văn hóa lịch sử gắn với di sản (ví dụ công trình kiến trúc) lại không thể có được nếu được thay thế bằng một công trình kiến trúc mới (Throsby 1999).

2. Lượng giá di sản văn hóa: giá trị và đo lường

Di sản được coi như tài sản là điều không cần bàn cãi, nhưng việc đề xuất một khái niệm giá trị không thể đo lường được về mặt tài chính, như định nghĩa di sản là một loại vốn, đòi hỏi phải có những cách nhìn rõ ràng. Trong mô hình kinh tế tiêu chuẩn, giá trị kinh tế của một hàng hóa hoặc dịch vụ hoàn toàn có thể đo được, ít nhất là bằng tiền. Theo đó, bất kể động cơ hay nhu cầu là gì, nếu một cá nhân coi trọng thứ gì đó thì họ sẽ sẵn sàng trả tiền cho nó và việc sẵn lòng chi trả của người đó có thể cho thấy các sở thích cơ bản của họ, bao gồm cả các quan niệm về thẩm mỹ hoặc văn hóa khác. Theo Throsby, giá trị kinh tế của di sản có thể được biểu đạt qua ba dạng

thức: giá trị sử dụng, phi sử dụng, hoặc là có lợi ích cho bên ngoài. Giá trị sử dụng được tích lũy cho các cá nhân, hộ gia đình hoặc doanh nghiệp có liên quan đến tiêu dùng trực tiếp với các dịch vụ di sản. Giá trị này quan sát được thông qua các giao dịch kinh tế (ví dụ vé vào cửa các di tích). Giá trị phi sử dụng hoặc sử dụng thụ động, không được thể hiện qua các tiến trình của thị trường, nhưng nó xuất phát từ bản chất di sản như một hàng hóa công cộng mà ai cũng có quyền tiếp cận, không bị loại trừ. Loại giá trị thứ ba là loại giá trị mà di sản có thể tạo ra lợi ích cho người bên ngoài/người qua đường (ví dụ người đi bộ có thể hưởng lợi trong việc thưởng ngoạn một tòa nhà di sản khi họ đi qua).

Về mặt đo lường, các nhà nghiên cứu đã sử dụng nhiều cách tiếp cận để ước tính các giá trị của di sản. Moorhouse và Smith (1994) đã sử dụng phương pháp suy luận từ hành vi quan sát được, hay còn gọi là phương pháp sở thích được hiển lộ như sử dụng giá bất động sản để ước tính xem giá trị di sản trong một khu vực nhất định thông qua những thay đổi về giá bán của chúng. Cuccia (2011) đã sử dụng phương pháp định giá ngẫu nhiên thông qua khảo sát một mẫu cư dân trong khu vực để ước lượng giá trị không sử dụng của một khu di sản địa phương. Phương pháp lựa chọn ngẫu nhiên, rời rạc cũng được Allen Consulting Group (2005) cho rằng có thể được áp dụng cho di sản nói chung, đặc biệt là trong việc đánh giá cho một dự án hoặc địa điểm bảo tồn cụ thể. Chẳng hạn như một khu di sản cụ thể sẽ được nghiên cứu thông qua tập hợp những đánh giá của nhiều người trả lời khác nhau về các khía cạnh như khả năng tiếp cận, chất lượng thẩm mỹ, hạ tầng vật chất, v.v... (Alexandros và Jaffry 2005; Willis 2009).

Như vậy, có thể thấy việc xác định giá trị của một di sản là rất quan trọng để có được những đánh giá toàn diện, nhưng mỗi phương pháp chỉ có thể tiếp cận vấn đề ở một số chiều kích nhất định và chưa có một đo lường nào là hoàn hảo. Hơn nữa lượng giá về mặt kinh tế đối với một hạng mục di sản là đánh giá chủ quan, vì vậy cần phải có các phương pháp đánh giá rõ ràng và cụ thể. Nghiên cứu của Merciu và cộng sự (2021) cho thấy nhu cầu đối với một địa điểm di sản văn hóa có liên quan nghịch với chi phí đi lại và chất lượng. Kết quả phản ánh rằng nhu cầu cũng phụ thuộc vào các yếu tố khác, chẳng hạn như mức độ hài lòng về trải nghiệm, thu nhập và động cơ của khách du lịch. Tuy nhiên, các phương pháp đo lường vẫn chủ yếu thông qua việc cho điểm đánh giá một cách định tính ("rất quan trọng", "quan trọng", "không đặc biệt quan trọng", v.v.). Vì vậy, các phương pháp đánh giá chỉ có tính tương đối, nhưng vẫn đang được thực hiện trong thực tế để tìm kiếm sự tương đồng về ý kiến của các cá nhân về các yếu tố giá trị của một di sản cụ thể.

3. Định giá di sản: thách thức giữa bảo tồn và phát triển

Việc định giá di sản gặp một số thách thức về phương pháp đo lường như đã nói ở trên, nhưng cũng xuất phát từ vai trò của các bên. Sự can thiệp của nhà nước thông qua các chính sách về di sản có tác động tới sự bền vững của di sản. Việc áp đặt các ràng buộc đối với cách sử dụng di sản thông qua các quy định chính sách tạo ra chi phí hành chính, thậm chí có thể đem lại lợi ích cho các nhóm cụ thể, đồng thời gạt ra bên lề một số nhóm khác. Điều này dẫn đến sự bất bình đẳng về tiếp cận, hưởng thụ và lợi ích.

Thứ hai, xung đột giữa lợi ích công và tư thường xuyên nảy sinh trong lĩnh vực di sản. Ví dụ, đánh giá của tư nhân về lợi ích và chi phí của một dự án bảo tồn một di sản sẽ chỉ dựa trên dòng tài chính của cá nhân, trong khi cùng một dự án được đánh giá ở cấp độ xã hội có khả năng bao gồm một loạt các lợi ích tập thể và các chi phí chưa được tính đến. Chính vì vậy, khi xem xét các tổn phí của tư nhân do các quy định của chính sách di sản, chính phủ không thể để mất mục đích chính của quy định về di sản, đó là bảo vệ lợi ích công cộng phát sinh từ di sản. Cân bằng giữa lợi ích công và tư trong bảo tồn di sản là điều thách thức mà trong đó nhà nước, tư nhân và cộng đồng đều đóng vai trò quan trọng về nhận thức và thực hành. Mặt khác, đối với một số dự án, việc tạo ra giá trị kinh tế và văn hóa có thể bổ sung và cân bằng, dẫn đến kết quả đôi bên cùng có lợi. Tuy nhiên, trong các trường hợp khác, có thể có sự đánh đổi giữa hai loại giá trị. Phần lớn các dự án di sản được khởi xướng vì lý do văn hóa hơn là vì lợi ích kinh tế. Một số công trình hoặc địa điểm di sản có thể có giá trị văn hóa cao nhưng giá trị kinh tế tương đối ít, ngay cả khi giá trị sau bao gồm các lợi ích phi thị trường, hoặc ngược lại, giá trị văn hóa bị đánh đổi để đạt lấy lợi ích kinh tế. Do đó, quyết định lựa chọn thường dẫn đến sự đánh đổi giá trị này lấy giá trị kia. Vấn đề là, với tư cách cá nhân hay xã hội, chúng ta sẽ từ bỏ bao nhiêu giá trị kinh tế để đảm bảo một mức giá trị văn hóa nhất định, và ngược lại?

4. Kết luận

Xu hướng lồng ghép bảo tồn di sản vào các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng bảo tồn di sản đang ngày càng được quan tâm. Các vấn đề được đặt ra hiện nay trong lĩnh vực di sản là việc khám phá tác động qua lại giữa các giá trị kinh tế và văn hóa trong lý thuyết và thực tiễn đánh giá di sản. Điều này đòi hỏi hoạt động phân tích kinh tế các dự án bảo tồn di sản, và theo đó cần có các thông tin về giá trị kinh tế của di sản văn hóa. Nhiều phương pháp đã được sử dụng để đánh giá các giá trị kinh tế và văn hóa về các dự án bảo tồn di sản trong thực tế, tuy nhiên, mỗi phương pháp chỉ đạt được một khía

chạm của sự đánh giá. Việc ra quyết định trong lĩnh vực bảo tồn di sản rõ ràng liên quan đến các giá trị đa chiều đòi hỏi nhiều chuyên ngành khác nhau. Các nhà kinh tế đã có những đóng góp đối với việc hoạch định chính sách di sản dựa trên giá trị được ước lượng bằng các phương pháp khoa học thay vì chỉ tập trung vào lợi nhuận tài chính hữu hình. Kinh tế học di sản đã góp một phần vào việc nhận diện và giải quyết những thách thức giữa bảo tồn và phát triển trong bối cảnh hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

- Throsby, D. (2012). "Heritage Economics: A Conceptual Framework." in Licciardi, G. A., ed., *The Economics of Uniqueness: Historic Cities and Cultural Heritage Assets as Public Goods*, World Bank, Washington, D.C, 75-106.
- Bourdieu, P. (1986). "The Forms of Capital". Pp. 241-58 in *Handbook for Theory and Research for the Sociology of Education*, edited by J. G. Richardson, Connecticut: Greenwood Press.
- Randal, Perman., et al., (2003). *Natural Resources and Environmental Economics*. 3rd edition; Pearson Education, UK.
- Throsby, David. 1999. "Cultural Capital." *Journal of Cultural Economics* 23 (1/2): 3-12.
- Moorhouse, John C., and Margaret Supplee Smith. 1994. "The Market for Residential Architecture: 19th Century Row Houses in Boston's South End." *Journal of Urban Economics* 35 (3): 267-77.
- Cuccia, Tiziana. 2011. "Contingent Valuation." In *A Handbook of Cultural Economics*, edited by Ruth Towse, 90-99. Cheltenham, UK: Edward Elgar.
- Allen Consulting Group. 2005. *Valuing the Priceless: The Value of Historic Heritage in Australia*. Research Report 2. Sydney: Heritage Chairs and Officials of Australia and New Zealand.
- Alexandros, Apostolakis, and Shabbar Jaffry. 2005. "Stated Preferences for Two Cretan Heritage Attractions." *Annals of Tourism Research* 32 (4): 985-1005.
- Willis, Kenneth G. 2009. "Assessing Visitor Preferences in the Management of Archaeological and Heritage Attractions: A Case Study of Hadrian's Roman Wall." *International Journal of Tourism Research* 11 (5): 487-505.
- Merciu, F.-C.; Petrisor, A.-I.; Merciu, G.-L. *Economic Valuation of Cultural Heritage Using the Travel Cost Method: The Historical Centre of the Municipality of Bucharest as a Case Study*. *Heritage*, 2021, 4, 2356-2376.